

Bản tin chứng khoán

Trong số này

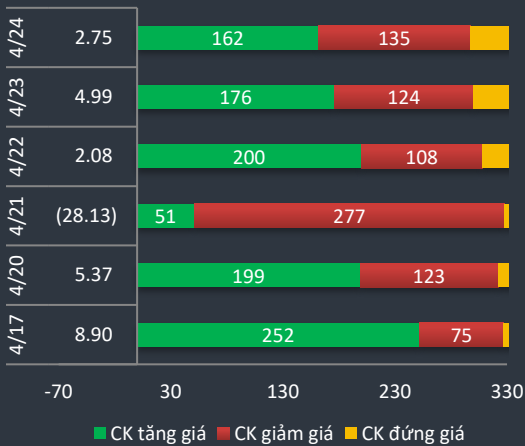
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

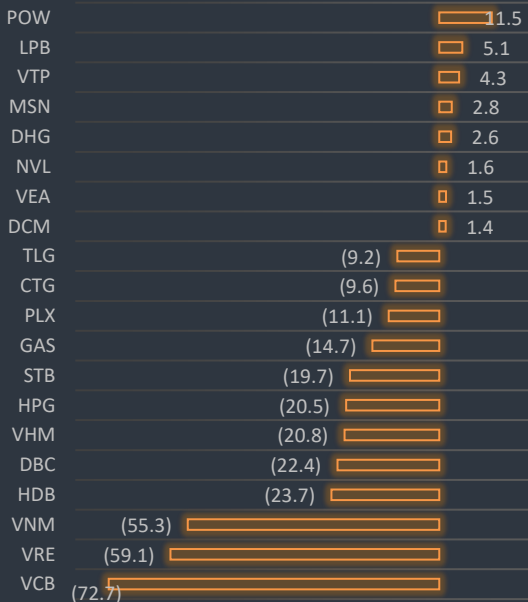
Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

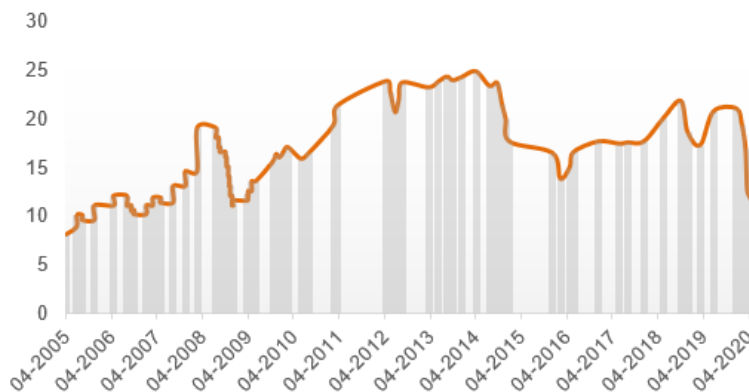


Chỉ số Vnindex đảo chiều bất thành vào phiên chiều và đóng cửa vẫn giảm nhẹ -3.5 điểm. VCB đã có màn lội ngược dòng từ 65 lên 68.5 trước khi đóng cửa ở 67 nhưng vẫn không thể kéo nổi chỉ số index. VN30 cũng có sự phân hóa mạnh với hơn 1/2 số mã giảm điểm trong đó riêng 4 trụ lớn SAB, VNM, GAS, VRE mất điểm nhiều nhất.

FRT giảm sàn sau khi tăng hơn 100% từ đầu tháng 4. Nhóm cổ phiếu bán lẻ, công nghệ PNJ, DGW, MWG điều chỉnh nhẹ trong ngày. Hoạt động bán lẻ vẫn chưa trở lại nhịp bình thường và quan sát tại các đô thị lớn các mặt hàng không thiết yếu có sức mua khá thấp vì vậy kết quả kinh doanh Q2 có thể chứng kiến mức sụt giảm doanh thu của nhiều đại gia bán lẻ từ 10% - 30%.

Nhóm dầu khí GAS, PVS, PVB, PVD, PVT cũng giảm mạnh liên tục từ 1 tuần gần đây. Giá xăng trong ngày vừa điều chỉnh RON 95 được điều chỉnh giảm 308 đồng/lít, xăng E5 RON 92 giảm 401 đồng/lít. Mức giá bán lẻ tối đa với xăng E5 RON 92 là 10,942 đồng/lít và xăng RON 95 là 11,631 đồng/lít. Đây mức giá xăng rẻ nhất kể từ 2007 và cũng là lần thứ hai kể từ 2008 giá xăng có mức lao dốc nhanh như vậy chỉ trong vòng 4 tháng. Lần khủng hoảng kinh tế 2008, giá xăng tại VN khoảng 11,000 vào cuối năm 2008 và mất hơn 1 năm để lên lại vùng giá 15,16 vào đầu năm 2010.

Giá xăng VN từ 2005 ('000 VND/lit)



Vnindex 767.21

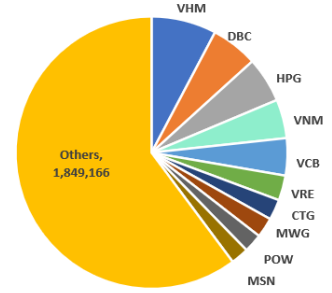
▼ -3.56 (-0.46%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VEA	36.2	1,700	4.93
POW	10.3	400	4.04
MSN	59.7	1,200	2.05
GVR	10.8	150	1.41
CTG	19.1	200	1.06
ACB	20.3	200	1.00
MCH	67.6	500	0.75
MBB	15.8	100	0.64
NVL	53.1	300	0.57
EIB	15.2	50	0.33
VCB	67.0	200	0.30
TCB	17.1	50	0.29
HDB	20.6	50	0.24
VHM	64.6	100	0.16
BID	35.2	50	0.14
VPB	21.0	-	-
VIC	92.0	-	-
TPB	17.5	-	-
FPT	50.7	-	-
VJC	112.9	(600)	(0.53)
SHB	16.0	(100)	(0.62)
BVH	46.1	(350)	(0.75)
PLX	39.7	(500)	(1.24)
MWG	80.9	(1,300)	(1.58)
BSR	5.8	(100)	(1.69)
HVN	26.1	(450)	(1.69)
ACV	57.6	(1,100)	(1.87)
GAS	62.8	(1,400)	(2.18)
VNM	100.5	(2,300)	(2.24)
VGI	25.8	(600)	(2.27)
HPG	21.4	(550)	(2.51)
VRE	22.8	(750)	(3.19)
SAB	170.0	(10,000)	(5.56)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Khối ngoại mua vào 319 tỷ trong ngày trong khi bán ra đến 720 tỷ đồng. VCB(-72.7 tỷ), VRE(-59.1 tỷ), VNM(-55.3 tỷ), HDB(-23.7 tỷ) là những cổ phiếu bán ròng nhiều nhất trong ngày. Tính cả phiên đầu tuần, khối ngoại bán ròng gần 870 tỷ đồng.

Chỉ số Vnindex có phiên điều chỉnh phiên thứ hai liên tiếp dù mức độ là khá nhẹ nhàng và thanh khoản cũng giữ ở mức trên 3,500 tỷ. Tuy nhiên nhìn chung dòng tiền biểu hiện đang yếu dần và đường chỉ số Vnindex cũng đang suy yếu. Dòng tiền trong hai phiên đầu tuần vẫn tập trung mạnh vào nhóm bất động sản KCN nhờ kết quả kinh doanh quý 1 khả quan và kỳ vọng ngành này tăng trưởng mạnh nhờ thu hút dòng vốn FDI mới sau khi dịch bệnh kết thúc.

Bất chấp khối ngoại bán ròng mạnh nhưng dòng tiền vẫn trụ khá tốt ở những cổ phiếu lớn mà mình chứng là độ nảy khá tốt của VCB, HDB, DBC trong ngày. Nhà đầu tư có thể tiếp tục lướt sóng ngắn và chờ các đợt điều chỉnh trong phiên để tích lũy cổ phiếu.

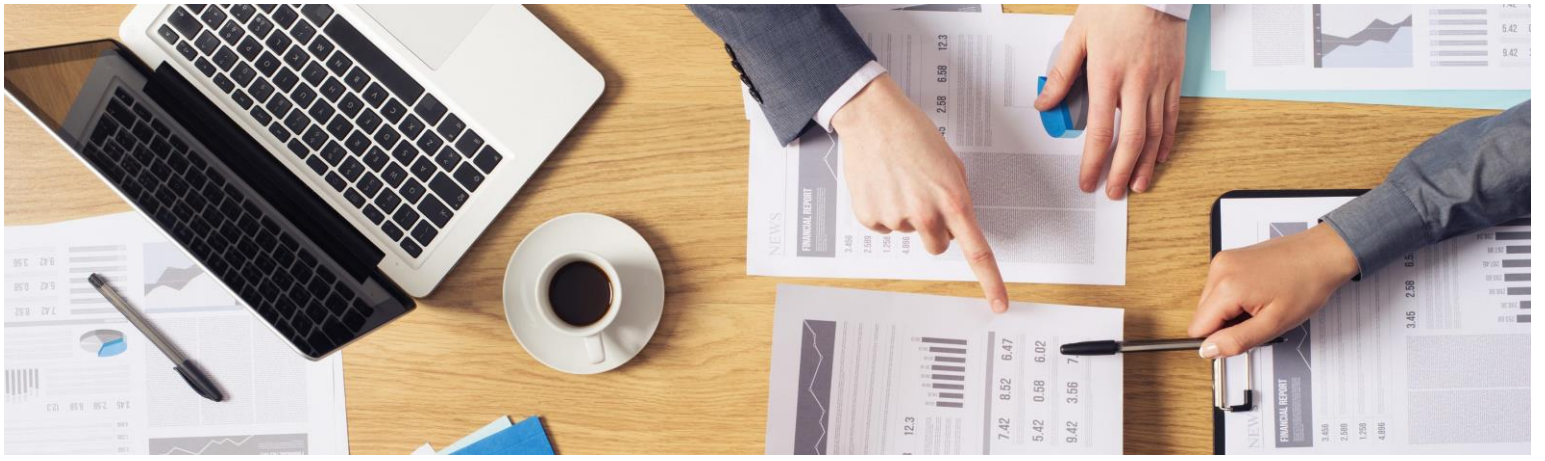
Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng mua	Close / Support
VPB	21.0	7.40	17	27	Mua quanh 19-20. Mục tiêu 24-25	23.5%
VCI	17.7	(0.60)	15	25	Mua quanh 17. Mục tiêu 20	18.0%
CTD	63.8	11.10	54	69	Mua quanh 55-58	18.1%
AAA	12.5	8.70	10.5	15	Mua quanh 11. Mục tiêu 15	19.0%
PHR	45.9	11.60	38	50	Mua quanh 38-42. Mục tiêu 50-60	20.8%
D2D	56.8	11.40	42	65	Nắm giữ - mục tiêu 65	35.2%
POW	10.3	10.40	8	11	Mua dần tích lũy quanh 8-9	28.8%
VCB	67.0	(6.30)	60	80	Mua quanh 60 - 65. Mục tiêu 80	11.7%
FPT	50.7	2.80	40	60	Mua quanh 40-45	26.8%
VNM	100.5	3.80	90	120	Mua quanh 95-100. Mục tiêu 120	11.7%
TLG	31.3	3.10	26	40	Mua quanh 28-30. Mục tiêu 40	20.4%
HPG	21.4	5.90	18	25	Mua quanh 20-22. Nắm giữ	18.9%



Cổ phiếu đang dò đáy:

Ticker	Close	% 1D	% tuần trước	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
VND	10.9	(0.91)	(1.40)	0.00	(32.90)	645,807	37.2	37.1
CTI	19	0.00	(2.10)	0.00	(25.80)	156,546	30.5	38.7
BOT	53.5	(0.37)	(1.50)	2.90	(7.00)	28,330	24.4	15.7
EIB	15.2	0.33	0.00	3.40	(19.60)	383,643	40.1	39.2
NVL	53.1	0.57	1.10	4.10	(17.00)	616,976	61.5	68
CRE	15.4	0.65	0.70	4.10	(40.50)	176,943	41.5	56.7
VCG	25.5	1.19	1.60	5.80	(8.60)	142,769	69.4	94.4
IBC	20.4	0.00	(0.20)	6.20	(8.10)	116,680	32.4	77
GEG	20.4	0.99	1.00	6.50	(29.90)	322,972	46.4	72.5
HNG	13	0.39	2.80	6.60	(31.60)	293,822	59.9	49.3
VPI	41.8	2.45	1.00	7.90	(1.80)	506,374	55	61.1
TPB	17.5	0.00	1.70	8.00	(31.40)	281,159	41.9	40.9
MBS	9.1	0.00	1.10	8.30	(36.10)	73,910	42.8	70
PDR	25.1	(0.20)	0.60	9.10	(6.90)	453,061	47	87.2
VNG	13.2	(5.38)	(0.80)	10.00	(41.30)	251,289	44.3	69.7
DIG	11.4	0.00	0.00	10.10	(24.50)	1,633,735	50.2	67.9
CII	19.9	2.06	0.80	10.30	(23.70)	857,119	52.4	55.8
CTG	19.1	1.06	1.30	10.80	(31.40)	6,622,249	42.9	40.8
REE	30.4	(0.49)	3.60	11.20	(19.70)	687,557	52.1	69.8
FTS	11.3	(0.88)	4.60	11.90	(22.90)	77,588	50.4	80.2
KDH	20.6	0.24	0.70	12.30	(24.40)	391,768	50.4	74.2



Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy 1Y	Giá so với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	BV	PE	P/Bv
SHB	16	12,392,303	58.9	58.2	226.5%	-11.1%	4.9	18	2,043	15,551	7.83	1.03
SAB	170	83,531	60.4	58.4	47.2%	-39.7%	115.5	282.1	7,880	31,306	21.57	5.43
HVN	26.1	1,354,855	61.1	26.9	46.6%	-40.7%	17.8	44	1,645	13,106	15.87	1.99
BVH	46.1	577,333	50.4	56.3	42.7%	-46.9%	32.3	86.8	1,551	26,678	29.72	1.73
MWG	80.9	1,587,195	52.6	62.1	37.4%	-36.8%	58.9	128	8,660	27,431	9.34	2.95
HPG	21.4	8,315,361	59.3	72.1	32.1%	-18.6%	16.2	26.3	3,023	17,307	7.08	1.24
GVR	10.8	862,661	57.4	64.1	30.1%	-34.9%	8.3	16.6	831	12,689	13.00	0.85
VRE	22.8	2,837,636	43.6	23.9	28.8%	-39.2%	17.7	37.5	1,224	11,860	18.63	1.92
VIC	92	988,690	46.6	35.2	28.7%	-27.0%	71.5	126.1	2,280	35,802	40.35	2.57
FPT	50.7	2,143,529	57	60	25.5%	-16.9%	40.4	61	4,796	24,768	10.57	2.05
VPB	21	4,222,521	52	64.5	23.5%	-27.1%	17	28.8	3,373	17,315	6.23	1.21
MSN	59.7	2,254,744	61.8	72.2	21.8%	-34.6%	49	91.3	4,765	44,389	12.53	1.34
VNM	100.5	1,630,520	54	69.8	20.1%	-24.7%	83.7	133.4	6,076	17,073	16.54	5.89
HDB	20.6	1,734,822	45.7	59.3	19.1%	-31.3%	17.3	30	3,675	19,442	5.61	1.06
VHM	64.6	1,030,782	44.1	12.9	17.9%	-35.1%	54.8	99.5	6,366	19,686	10.15	3.28
VJC	112.9	344,858	54.2	24.4	17.8%	-23.8%	95.8	148.2	7,881	29,236	14.33	3.86
VCB	67	1,461,346	41.3	19.7	17.1%	-29.1%	57.2	94.5	4,996	21,808	13.41	3.07
BID	35.2	1,278,127	43.4	52.7	16.9%	-36.6%	30.1	55.5	2,379	19,307	14.80	1.82
GAS	62.8	762,233	44.4	46.3	16.5%	-43.9%	53.9	111.9	6,219	25,923	10.10	2.42
MBB	15.8	6,773,754	45.4	41.8	16.2%	-32.8%	13.6	23.5	3,596	17,150	4.39	0.92
PLX	39.7	887,188	46.6	38.1	15.7%	-36.7%	34.3	62.7	3,617	21,800	10.98	1.82
TCB	17.1	2,381,920	45.7	66.8	14.8%	-31.9%	14.9	25.1	2,967	17,734	5.76	0.96
ACB	20.3	4,782,945	47.7	54.8	14.0%	-23.7%	17.8	26.6	4,335	16,761	4.68	1.21
CTG	19.1	6,622,249	42.9	40.8	11.0%	-31.3%	17.2	27.8	2,541	20,775	7.52	0.92
NVL	53.1	616,976	61.5	68	4.1%	-17.0%	51	64	3,682	25,230	14.42	2.10

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PME	5.08
TCM	5.24
HCD	5.26
BFC	5.31
DHM	6.15
LCM	6.35
CLG	6.59
HMC	6.75
TIP	6.76
PAC	6.90
FCN	6.90
DCM	6.92
VID	6.97
HHS	6.98
SVC	6.98

Top tăng giá HNX

VGS	4.17
TJC	6.56
DBC	6.98
SLS	7.63
MPT	8.33
NSH	8.33
DNM	9.55
CTX	9.89
LIG	10.00
KLF	10.00

VHM - CTCP Vinhomes – Đã công bố báo cáo kết quả kinh doanh Q1/2020 với doanh thu 6.519,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 7.645,1 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 11,39% và 184,52% so với cùng kỳ.

HPG - Tập đoàn Hòa Phát - Quý I/2020 với doanh thu đạt 19.232 tỷ đồng, tăng 29% cùng kỳ. Sau khi trừ chi phí lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.285 tỷ đồng, tăng 27% cùng kỳ; mức cao nhất kể từ quý III/2018. Công ty lý giải lợi nhuận tăng mạnh nhờ sản lượng bán thép tăng, giá vốn tốt và mảng nông nghiệp bắt đầu tạo lợi nhuận khả quan.

HDG - CTCP Tập đoàn Hà Đô – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ hơn 2,07 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Hà Đô 45, tương đương 51,25%/vốn của Hà Đô 45.

IMP - CTCP Dược phẩm Imexpharm - Đã thông qua kết quả kinh doanh quý I/2020 với tổng doanh thu thuần và thu nhập hơn 304 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 51,4 tỷ đồng.

BMP - Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh – Đã công bố kết quả kinh doanh quý I/2020 với doanh thu 1.019,8 tỷ đồng, lợi nhuận 102,4 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 9,5% và 12,39% so với cùng kỳ.

NKG - CTCP Thép Nam Kim – Đã thông qua phương án mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ. Phương thức giao dịch là khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận. Thời gian giao dịch tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch và sau khi được UBCK chấp thuận. Công ty dự kiến sẽ thực hiện trong quý II/2020.

VSC - Công ty cổ phần Container Việt Nam – Quý 1/2020 ghi nhận doanh thu thuần hơn 408 tỷ đồng, giảm 3,5% so với cùng kỳ. Giá vốn giảm nhiều hơn giúp lợi nhuận gộp tăng 1,7%, đạt gần 102 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 57,2 tỷ đồng tăng gần 42%.

OIL - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Doanh thu trong quý đạt 17.684 tỷ đồng, tăng 4%. Giá vốn tăng mạnh hơn 8% nên lãi gộp giảm 89% xuống 64 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí OIL báo lỗ kỷ lục 423 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lãi 32 tỷ đồng.

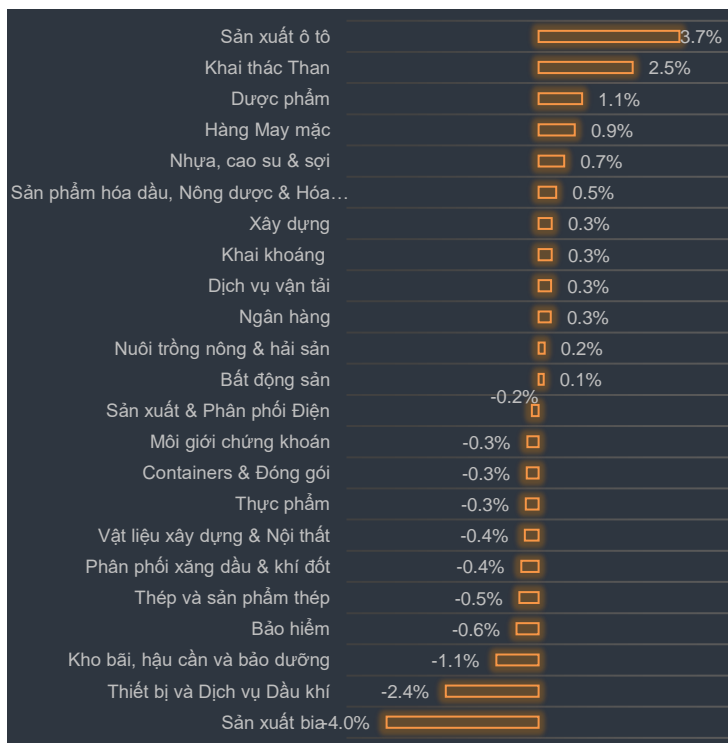
VTH - Công ty Dây cáp điện Việt Thái - Đã không thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Theo tờ trình phát hành riêng lẻ ban đầu, công ty muốn phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu cho công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Lạc Phát, tương đương với tỷ lệ 40%. Hiện vốn điều lệ của Việt Thái là 50 tỷ đồng.



Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng Q1/2020	+/- Cùng kỳ(%)	EPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
2	3	4	5	6	7
DDG	HNX	0.58	(72.7)	1,068	26.4
CRE	HOSE	43.25	(45.4)	4,356	3.5
CTF	HOSE	0.50	(98.0)	279	78.1
GKM	HNX	1.45	317.9	295	57.6
NAP	HNX	2.69	115.6	459	28.5
TTL	HNX	1.07	641.1	449	14.5
CDN	HNX	56.10	36.9	2,021	8.9
SZB	HNX	20.94	5.3	3,254	9.2
HUB	HOSE	10.66	(7.6)	4,155	3.8
SII	HOSE	(9.06)	(190.7)	423	47.2
BCF	HNX	24.24	209.1	4,653	11.8
L14	HNX	7.72	(51.9)	4,122	13.8
DSN	HOSE	4.43	(77.5)	6,621	6.6
TDW	HOSE	10.58	82.5	2,921	8.0
SZC	HOSE	53.66	189.8	1,706	9.7
WCS	HNX	15.76	(6.2)	27,013	5.8
PDN	HOSE	31.22	(7.9)	8,077	7.7
LIX	HOSE	64.08	66.5	6,308	8.4
HGM	HNX	1.78	(61.1)	291	123.7
TV3	HNX	1.24	69.9	2,121	10.8
NNC	HOSE	21.25	(19.4)	5,370	8.4
D2D	HOSE	48.71	24.4	21,864	2.5
BTP	HOSE	28.30	20,622.0	3,872	4.1
BSI	HOSE	(60.73)	(277.1)	155	52.3
PSI	HNX	0.08	(99.3)	117	17.9
ART	HNX	(38.04)	(1,023.6)	409	5.6
BTW	HNX	20.80	104.0	4,660	10.5
NET	HNX	32.16	108.1	4,377	11.2
GDW	HNX	4.75	(38.6)	1,518	25.9
IVS	HNX	6.46	267.7	(1,023)	(7.7)
APG	HOSE	2.51	13.1	855	10.8
DBC	HOSE	348.72	1,638.7	7,004	3.5
VCS	HNX	304.29	17.2	9,197	6.6
VC3	HNX	0.33	(97.1)	1,141	14.6
TNG	HNX	33.59	(10.0)	3,748	3.2
UIC	HOSE	15.51	27.7	7,862	5.0
VMC	HNX	0.87	(85.0)	633	15.3
SC5	HOSE	5.25	(55.4)	1,819	10.1
BVS	HNX	(22.70)	(177.3)	1,143	7.8

VDS	HOSE	(88.37)	(517.9)	(748)	(7.9)
SJD	HOSE	13.92	(28.1)	2,149	7.7
FMC	HOSE	40.31	(1.4)	5,213	4.1
ABT	HOSE	0.71	(93.6)	3,362	10.5
DHA	HOSE	16.43	(1.5)	4,596	7.2
SSC	HOSE	3.48	(83.8)	4,193	12.7
AAV	HNX	3.78	(39.8)	854	6.0
CAG	HNX	0.62	(27.3)	271	317.0
TDM	HOSE	30.53	(14.7)	2,148	8.8
S4A	HOSE	1.94	(77.8)	2,541	10.4
SKG	HOSE	5.49	(80.8)	1,414	6.5
PVB	HNX	48.70	504.0	4,692	3.0
MCF	HNX	3.04	47.6	1,040	8.7
PIC	HNX	2.39	(77.5)	316	27.2
BAX	HNX	4.90	(88.1)	5,955	6.6
PGD	HOSE	49.71	15.2	2,670	11.8
EVS	HNX	(11.30)	(292.5)	(151)	(53.6)
CCI	HOSE	8.46	182.1	1,999	6.9
FTS	HOSE	(97.23)	(194.4)	119	93.3
PPC	HOSE	135.18	(44.3)	3,618	6.6
STC	HNX	0.54	(66.0)	2,545	5.6
TNC	HOSE	24.77	1,633.5	3,190	4.9
HJS	HNX	10.78	49.3	2,501	9.6
GTA	HOSE	4.68	(0.5)	1,859	6.1
VTB	HOSE	3.75	10.3	1,227	8.1
SMC	HOSE	10.21	(71.1)	1,302	8.8
CLC	HOSE	25.25	(18.3)	5,147	5.2
CAN	HNX	3.71	1,216.1	3,609	5.9
AGR	HOSE	13.03	(28.9)	297	9.3
CNG	HOSE	13.53	5.8	3,142	6.8
SBA	HOSE	6.12	(77.2)	1,282	10.9
VTJ	HNX	(0.53)	(108.9)	614	10.1
DHT	HNX	31.38	32.8	4,506	10.9
IMP	HOSE	41.11	13.2	3,385	15.4
HRC	HOSE	0.83	34.6	263	131.9
SMB	HOSE	19.11	(53.9)	6,187	4.8
PHR	HOSE	137.97	31.6	3,755	11.3
PGT	HNX	6.32	1,807.2	(576)	(8.5)
VHL	HNX	23.27	(11.1)	4,981	4.5
BRC	HOSE	4.49	1.3	1,572	7.1
AAM	HOSE	0.67	(78.9)	565	20.2
TRC	HOSE	20.31	416.0	3,325	7.7
SAF	HNX	12.13	2.3	5,338	11.1
HAX	HOSE	5.45	17.1	1,437	7.0
DPC	HNX	0.52	(36.7)	2,429	3.7
DRL	HOSE	12.16	(35.2)	5,164	10.0
TET	HNX	0.98	(71.3)	763	39.6
HVG	HOSE	(254.00)	(1,502.4)	(2,779)	(2.1)
HSG	HOSE	181.11	198.6	1,157	5.6
SJ1	HNX	5.24	107.4	1,337	18.7
SFC	HOSE	9.10	(14.0)	-	-
CAP	HNX	6.75	82.0	-	-

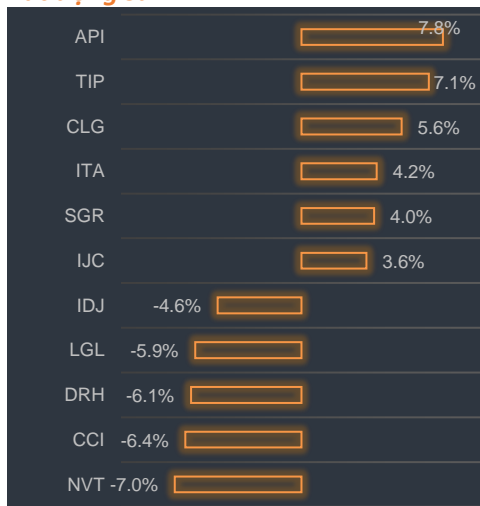
Tăng giảm ngành trong ngày



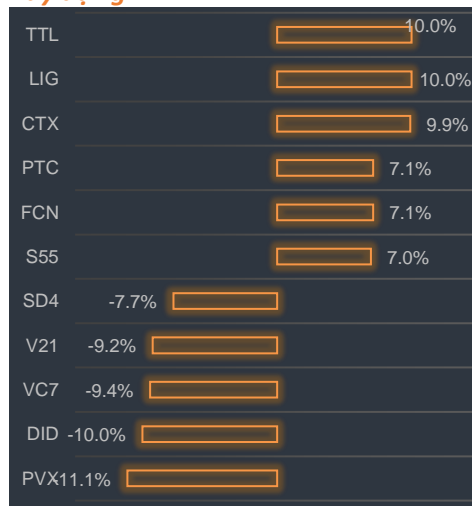
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	API, TIP, CLG
Xây dựng:	TTL, LIG, CTX
Dầu khí:	ASP, PGC, PMG
Chứng khoán:	WSS, HBS, TVS
Ngân hàng:	CTG, ACB, EIB

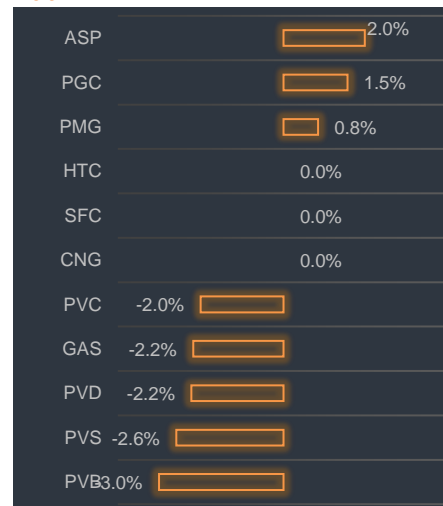
Bất động sản



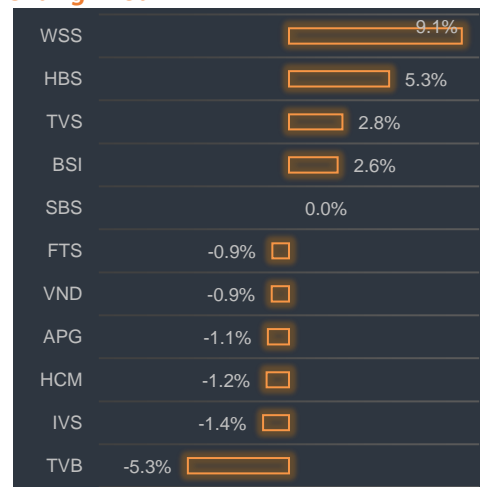
Xây dựng



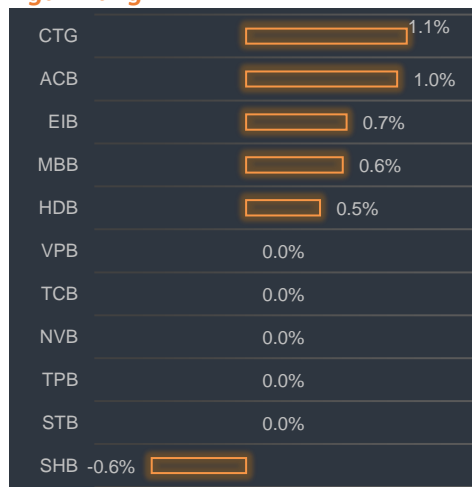
Dầu khí



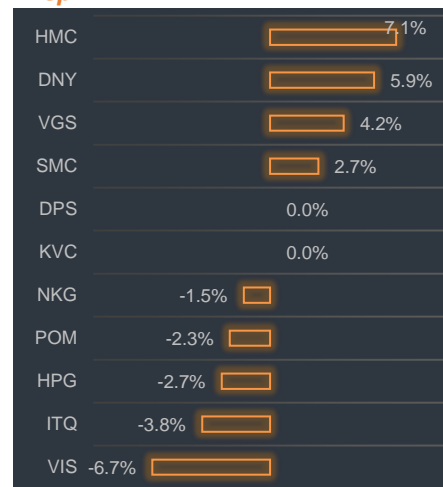
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931